

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày: 20-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sần Tài Vần,

Bà Lò Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Tố Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Vũ Thanh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo:

1. Kháng Thị N, sinh ngày 01/3/1987, tại tỉnh Yên Bái; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kháng A S, sinh năm: 1960 và bà Hạng Thị M (đã chết); có chồng Lò A C, sinh năm: 1986 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: không, Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/7/2022, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò A C, sinh ngày: 01/01/1986, tại tỉnh Lai Châu; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò A D, sinh năm: 1962 và bà Cừ Thị V (đã chết); có vợ Kháng Thị N, sinh năm 1987, 04 người con con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: không, Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/7/2022, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Kháng Thị N: bà Nguyễn Thị Bao, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lù A C: bà Triệu Thị Hồng, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lù A Dế, sinh ngày 07/7/1962; địa chỉ: bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người chứng kiến: ông Khoàng Văn Hú, sinh ngày 13/4/1993; địa chỉ: bản Mưòng Toong 3, xã Mưòng Toong, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người phiên dịch: anh Giàng A Ch, sinh năm 2000; địa chỉ: xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2022, bị cáo Kháng Thị N nhận được điện thoại của Lý Thị S ở bản D, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái gọi đến đặt vấn đề mua 01 kg thuốc phiện với giá thỏa thuận là 40 triệu đồng; bị cáo N đồng ý và hẹn khi nào có thuốc phiện sẽ mang sang bán cho Lý Thị S. Tối ngày 08/7/2022, bị cáo Kháng Thị N bàn bạc với chồng là bị cáo Lù A C cùng nhau đi mua thuốc phiện tại khu vực giáp ranh biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên để bán kiếm lời. Sáng ngày 09/7/2022, bị cáo Lù A C điều khiển xe máy BKS: 27B1-938.27 chở N mang theo 15.500.000 đồng đi đến khu vực bản N, xã C, huyện M, cả hai để xe máy tại đường và đi bộ khoảng 02 giờ thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên tuổi, quốc tịch; sau khi trao đổi, thỏa thuận các bị cáo Kháng Thị N và Lù A C mua được 02 gói thuốc phiện, mỗi gói khoảng 01 kg với giá 15.500.000 đồng (01 gói bọc bên ngoài bằng túi nilon màu hồng và 01 gói bọc bên ngoài bằng túi ni lon màu trắng). Sau khi nhận thuốc phiện, bị cáo N cất giấu 02 gói thuốc phiện vào túi khoác màu đen đang đeo trên người và cùng bị cáo C đi bộ đến chỗ để xe máy. Bị cáo Lù A C điều khiển xe máy chở bị cáo Kháng Thị N đi về nhà; về nhà bị cáo N cho 02 gói thuốc phiện vào 01 lọ nhựa trắng trong suốt, dùng thuốc đào 01 hố dưới nền nhà trong buồng gần giường ngủ của con gái, cất giấu hộp đựng thuốc phiện vào hố và lấp đất lại.

Ngày 22/7/2022, bị cáo Kháng Thị N gọi điện thông báo cho Lý Thị S biết đã có thuốc phiện và hẹn hôm sau sẽ mang thuốc phiện sang huyện M bán cho Sầu. Tối cùng ngày, bị cáo N nói với bị cáo C, ngày hôm sau sẽ mang 01 gói thuốc phiện sang bán cho người ở huyện M nhưng không nói rõ bán bao nhiêu tiền. Sáng sớm ngày 23/7/2022, bị cáo N dùng thuốc đào lấy lọ đựng ma túy lên, bị cáo N lấy 01 gói thuốc phiện được bọc bên ngoài bằng túi ni lon màu

trắng, gói còn lại tiếp tục để trong hộp nhựa và chôn lại hố đất cũ. Bị cáo N gọi bị cáo C dậy để cùng cất giấu ma túy: C cầm gói thuốc phiện cho vào 02 lớp túi ni lon màu xanh để N buộc chặt miệng túi lại, sau đó C cầm chiếc túi vải màu đen để N cho gói thuốc phiện vào rồi kéo khóa ở miệng túi lại; tiếp theo Lù A C cầm chiếc túi ni lon chứa chất lỏng màu đen là thuốc nhuộm vải cho N để chiếc túi vải màu đen có gói thuốc phiện vào bên trong và buộc chặt miệng túi lại, sau cùng N cất giấu vào bao tải màu vàng cam. Sau khi chuẩn bị xong, bị cáo N gọi con gái Lù Thị S dậy bảo S lấy xe máy BKS 27BI-938.27 chở bị cáo đến cầu N đón xe khách đi Điện Biên, N lên xe khách 27B-004.75 của nhà xe Thường Hoàng chạy tuyến Mường Nhé - Điện Biên, ngồi số ghế 21, hành lý và bao tải màu cam bên trong có gói thuốc phiện để ở cuối xe. Khi xe đi đến khu vực bản M3, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác Công an huyện M dừng xe và yêu cầu hành khách trên xe lấy hành lý của mình để tổ công tác kiểm tra. Bị cáo Kháng Thị N đi xuống cuối xe tự lấy hành lý và bao tải màu cam ra để dưới chân ghế ngồi của mình. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện và thu giữ trong bao tải màu vàng cam của bị cáo N 01 gói chất dẻo màu đen nghi là thuốc phiện có khối lượng 964 gam; tổ công tác đã bắt giữ bị cáo và niêm phong vật chứng theo quy định. Hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện M tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Kháng Thị N và thu giữ tại bên dưới nền nhà trong buồng ngủ của gia đình bị cáo 01 lọ nhựa bên trong có 01 gói bên ngoài là lớp ni lon màu hồng, bên trong là chất dẻo màu đen nghi là thuốc phiện có khối lượng 954 gam. Bị cáo Lù A C khai nhận, 01 gói thuốc phiện bị thu giữ tại nền nhà và 01 gói thuốc phiện Kháng Thị N mang đi Yên Bái là do 02 vợ chồng lên khu vực biên giới Việt Nam - Lào mua về để bán kiếm lời. Cơ quan CSĐT đã ra lệnh bắt giữ khẩn cấp đối với Lù A C về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số: 1089/GĐ-PC09, ngày 03/8/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Khối lượng vật chứng ký hiệu V1 thu giữ của Kháng Thị N, Lù A C là 964 gam; V2: 954 gam.

- 02 mẫu chất dẻo màu nâu đen ký hiệu M1, M2 trích ra từ vật chứng thu giữ của Kháng Thị N, Lù A C gửi giám định là chất ma túy: Loại Thuốc phiện.

Cáo trạng số 95/CT-VKS-P1 ngày 18/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Kháng Thị N, Lù A C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Kháng Thị N và bị cáo Lù A C, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố bị cáo Kháng Thị N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kháng Thị N từ 16 năm đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Lù A C phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lù A C từ 15 năm đến 16 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu tiêu hủy các vật sau: 1.917,1 gam thuốc phiện còn lại sau khi trích mẫu vật gửi giám định đã được niêm phong; 01 túi vải màu đen có dây đeo; 01 bình nhựa trong suốt có nắp màu xanh, 01 chiếc thùng dài 76 cm, lưỡi kim loại dài 16 cm; 01 bao tải màu vàng cam, chất lông màu đen, gói nilon trong suốt (đã niêm phong). Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại thu giữ của bị cáo Kháng Thị N. Trả lại cho bị cáo Lù A C 01 điện thoại.

Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Kháng Thị N không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo thường xuyên sinh sống ở vùng sâu, vùng xa; hiểu biết về pháp luật còn nhiều hạn chế; bản thân không được đi học, phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt; bị cáo phạm tội do hám lợi, gia đình khó khăn; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét xử phạt mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Về vật chứng của vụ án đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lù A C không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: do bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa; bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt; nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, do hám lợi; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét tuyên phạt bị cáo hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với

gia đình chăm sóc con. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Về vật chứng của vụ án đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Người chứng kiến anh Khoàng Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: ngày 23/7/2022, anh được tổ công tác Công an huyện M mời chứng kiến việc bắt giữ Kháng Thị N, khi khám xét bị cáo Kháng Thị N, cán bộ thu giữ trong bao tải màu vàng cam 01 gói chất dẻo màu đen được bọc bên ngoài bằng túi ni lon màu trắng nghi là thuốc phiện. Anh H nghe thấy Kháng Thị N khai nhận với tổ công tác, chất dẻo màu nâu đen là thuốc phiện, N đang vận chuyển lên Yên Bái để bán thì bị phát hiện bắt quả tang. Việc khai báo của N là tự nguyện, không ai ép buộc, không bị ai đánh đập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lù A D trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng 04 giờ ngày 23/7/2022, ông đón xe khách đi Yên Bái cùng con dâu Kháng Thị N, khi xe đi đến khu vực xã M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị Công an dừng xe khám xét, phát hiện trong bao tải màu vàng cam của con dâu Kháng Thị N có 01 gói thuốc phiện. Việc con dâu mang thuốc phiện theo để đi Yên Bái ông không biết. Đối với chiếc xe máy BKS: 27B1-93827 bị thu giữ là tài sản của ông D, tháng 8/2019 ông mua chiếc xe này của anh Vàng A P trú tại bản H, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên với giá 22 triệu đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Trong phần tranh luận: đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Người bào chữa cho bị cáo Kháng Thị N, mức án như đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo N là chưa phù hợp với các tình tiết của vụ án, do bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê, khối lượng ma túy gần 02 kg nên mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Người bào chữa cho bị cáo N bảo lưu ý kiến và đề nghị HĐXX xem xét. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh cũng như hình phạt; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Kháng Thị N và Lù A C:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: nhằm mục đích bán tìm kiếm lợi nhuận, ngày 09/7/2022, bị cáo Lù A C điều khiển xe máy chở bị cáo Kháng Thị N đi mua ma túy tại khu vực bản Nậm Pắc, xã Chung Chải, huyện M. Các bị cáo gặp và mua của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên tuổi, quốc tịch, 02 gói thuốc phiện với giá 15.500.000 đồng. Sau khi nhận thuốc phiện, các bị cáo mang về nhà cất giấu dưới nền nhà trong buồng ngủ của con gái. Bị cáo N và bị cáo C thống nhất sáng ngày 23/7/2022, bị cáo N mang 01 gói thuốc phiện được bọc bên ngoài

bằng túi ni lon màu trắng đi Yên Bái để bán kiếm lời. Khi xe đi đến khu vực bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác Công an huyện M phát hiện và thu giữ trong bao tải màu vàng cam của bị cáo N 01 gói thuốc phiện có khối lượng 964 gam. Hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện M tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Kháng Thị N và Lò A C đã thu giữ tại bên dưới nền nhà trong buồng ngủ của gia đình bị cáo 01 gói thuốc phiện có khối lượng 954 gam, đồng thời tiến hành bắt khẩn cấp đối với bị cáo Lò A C. Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị cáo C; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01- 03); biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (BL 71, 72, 73, 74); biên bản kiểm tra điện thoại (BL 75-79); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 83); biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 88-92); kết luận giám định (BL 95); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến Khoảng Văn H (BL 231 - 232); biên bản ghi lời khai của ông Lò A Dế và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Kháng Thị N và bị cáo Lò A C cùng nhau mua 1.918 gam Thuốc phiện để bán tìm kiếm lợi nhuận. Hành vi của các bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tổng khối lượng chất ma túy là 1.918 gam, do đó các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng 95/CT-VKS-P1 ngày 18/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Kháng Thị N, bị cáo Lò A C về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là một trong các nguyên nhân gây mất trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: biết rõ việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy với đời sống và sức khỏe của con người, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, do lợi nhuận cao mà các bị cáo thực hiện hành vi giao dịch, mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tổ chức, thuộc đồng phạm giản đơn, bị cáo Kháng Thị N là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, bị cáo Lò A C với vai trò thực hành tích cực, vai trò của các bị cáo trong vụ án là không giống nhau nên cần áp dụng hình phạt khác nhau cho tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo

Các bị cáo Kháng Thị N, Lò A C sinh ra và lớn lên trong gia đình dân tộc Mông, cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; các bị cáo không có tiền sự; không có tiền án; không có tình tiết tăng nặng. Về các tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo về tình tiết “thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], cho thấy vai trò của các bị cáo trong vụ án này là khác nhau, bị cáo N có vai trò chính, bị cáo C là đồng phạm tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, hình phạt vừa mang tính răn đe, giáo dục vừa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có tài sản gì giá trị; các bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, gia đình thuộc hộ nghèo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác của vụ án:

Theo lời khai của các bị cáo, đối tượng bán ma túy cho các bị cáo tên là D. Quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra không xác định được con người cụ thể, do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với ông Lù A D và chị Lù Thị S, quá trình điều tra không xác định được có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về việc nuôi dưỡng cháu Lù Thị S, sinh năm 2005, Lù A S, sinh năm 2009, Lù Thị M, sinh năm 2014 và Lù A M, sinh năm 2017 là các con của các bị cáo, theo đề nghị của các bị cáo và anh Lù A C, sinh năm 1992 (là em trai của bị cáo C), cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã giao 04 cháu cho anh Lù A C chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi bị cáo Lù A C hoặc bị cáo Kháng Thị N ra trại. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tiếp tục để các cháu cháu Lù Thị S, sinh năm 2005, Lù A S, sinh năm 2009, Lù Thị M, sinh năm 2014 và Lù A M, sinh năm 2017 cho anh Lù A C chăm sóc nuôi dưỡng (BL 143-147); đồng thời cũng ghi nhận và tiếp tục để cho anh Lù A C quản lý toàn bộ tài sản của bị cáo Kháng Thị N và Lù A C cho đến khi các bị cáo ra trại (BL 148-151).

[7] Về vật chứng: áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

xử lý như sau:

- 1.917,1 gam thuốc phiện còn lại sau khi trích mẫu vật gửi giám định đã được niêm phong; 01 túi vải màu đen có dây đeo; 01 bình nhựa trong suốt có nắp màu xanh, 01 chiếc thuổng dài 76 cm, lưỡi kim loại dài 16 cm; 01 bao tải màu vàng cam, chất lỏng màu đen, gói nilon trong suốt (đã niêm phong) là vật nhà nước cấm lưu hành, là công cụ phương tiện phạm tội của các bị cáo và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại thu giữ của bị cáo Kháng Thị N là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại thu giữ của bị cáo Lù A C không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Lù A C.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WareRSX màu đỏ-đen, số khung: 3003KY011411, số máy: JA38E-050984, biển kiểm soát 27B1-938.27, đã cũ (có kèm theo chìa khóa) và số tiền 1.900.000 đồng thu giữ khi bắt bị cáo N và bị cáo C. Quá trình điều tra đã xác định xe máy thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lù A D là bố ruột của bị cáo Lù A C, ông D cho các bị cáo mượn xe để sử dụng cho công việc gia đình; ông D không biết việc các bị cáo sử dụng xe máy để đi mua ma túy; cũng xác định số tiền 1.900.000 đồng thu giữ khi bắt giữ bị cáo N không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định xử lý vật chứng số 43/QĐ-CSMT, ngày 04/10/2022 trả lại cho chủ sở hữu, tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về việc xử lý vật chứng của vụ án. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đúng theo quy định tại các Điều 36 và 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí:

Các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và thuộc hộ nghèo. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, HĐXX chấp nhận đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Người bào

chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Kháng Thị N (tên gọi khác: không) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kháng Thị N 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2022.

1.2. Bị cáo Lù A C (tên gọi khác: không) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lù A C 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2022.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

*** Tịch thu tiêu hủy các vật sau:**

- 01 hộp niêm phong dạng hình hộp chữ nhật, được dán kín bằng giấy và băng dính màu trắng. Một mặt dán miếng giấy có chữ đánh máy: Vật chứng còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định của Kháng Thị N, sinh năm 1987, trú tại: bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên và Lù A C, sinh năm 1986, trú tại: bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị tổ công tác Công an huyện M, tỉnh Điện Biên bắt quả tang ngày 23/7/2022 tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên và khám xét tại nhà ở bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vật chứng còn lại là 01 gói chất dẻo màu nâu đen, nghi Thuốc phiện, ký hiệu V1 có khối lượng là 963,5 gam, 01 gói chất dẻo màu nâu đen, nghi Thuốc phiện, ký hiệu V có khối lượng là 953,6 gam. Các mặt còn lại của hộp niêm phong có chữ ký, họ và tên của: Lò Văn H, Vừ A D, Trần Thị Th, Lò Văn Ch, Mai Thị Thanh L, Pờ Go L, Thào A T, Vàng A K, Lù A C, điểm chỉ ngón trỏ phải của Kháng Thị N và dấu niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- 01 chiếc túi vải màu đen, có dây đeo, đã cũ.

- 01 bình nhựa trong suốt có nắp màu xanh; được niêm phong bằng cách dùng băng dính dán cố định nắp bình và dùng một tờ giấy trắng dán phủ kín nắp bình.

Trên bình nhựa dán mảnh giấy có chữ đánh máy: Vật chứng thu giữ của Kháng Thị N, sinh năm 1987, trú tại bản V Hồ, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị tổ công tác Công an huyện M, tỉnh Điện Biên bắt quả tang ngày 23/7/2022 tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên về hành vi mua bán trái phép chất ma túy (vật chứng là bao tải màu vàng cam, chất lỏng màu đen, gói nilon trong suốt. Trên tờ giấy trắng dán tại miệng nắp có chữ ký, họ tên của: Lò Văn H, Vừ A D, Trần Thị T, Lò Văn C, Mai Thị Thanh L, Pờ Go L, Thào A T, Vàng A K, Lò A C, điểm chỉ trở phải của Kháng Thị N và dấu đỏ niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- 01 chiếc thuổng dài 76 cm, lưỡi kim loại dài 16 cm. Trên cán thuổng dán tờ giấy trắng có chữ viết tay: Vật chứng Lò A C giao nộp trong quá trình khám xét nhà ở của Kháng Thị N, sinh năm 1987, trú tại bản V, xã Nậm V, huyện M, tỉnh Điện Biên và tại mép dán tờ giấy có chữ ký, họ tên của: Lâm Văn K, Trần Văn M, Giàng A S, Giàng A C, Mùa A D.

* **Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:** 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Redmi, đã cũ. Mặt sau điện thoại có ốp nhựa dẻo hình hoa, lá cây thu giữ của Kháng Thị N.

* **Trả lại cho bị cáo Lò A C:** 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, màu đen viền đỏ nhãn hiệu GIONEE, đã cũ thu giữ của Lò A C.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 18 tháng 11 năm 2022).

3. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kháng Thị N và bị cáo Lò A C.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Kháng Thị N, bị cáo Lò A C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lò A D có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

Nguyễn Thị Hòa